

Số: 718/TB-TTGTHTKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chủ Đầu tư, Ban Quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, các nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp nhất Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Phát triển Hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức, Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-SXD-TCCB ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Sở Xây dựng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTGTHTKT ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.



Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định thành lập số: 683/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp nhất Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Phát triển Hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức, Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 360 đường Võ Nguyên Giáp, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Xuân Vinh Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: (028) 3728 2006

Email: ttqlgthtkt.sxd@tphcm.gov.vn

Mã số thuế: 0319406879.

Website: ttqlhkt.hochiminhcity.gov.vn

1.2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Địa chỉ: Số 96 đường Lê Hữu Trác, phường Tam Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trưởng phòng: Thẩm Thanh Thế

Điện thoại: 0254. 3512065

Email: lasxd02.021@gmail.com

Website: ttqlhkt.hochiminhcity.gov.vn

*Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có mã số **LAS-XD 02.021** do Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp (Nay là Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh) cấp tại Giấy chứng nhận số 4364/GCN-SXD ngày 10 tháng 6 năm 2025.*

1.3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường: Không

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; máy móc, thiết bị

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
	THÍ NGHIỆM XI MĂNG		
1.	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:09	- Dụng cụ lấy mẫu (ống, gáo),....
2.	Xác định độ mịn của xi măng; Khối lượng riêng của xi măng.	TCVN 13605:23	- Sàng kích thước lỗ 0,09mm - Cân kỹ thuật chính xác 0,01g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ; - Bình xác định khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa,....
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn; Thời gian đông kết và tính ổn định thể tích.	TCVN 6017:15 TCVN 10653:15	- Dụng cụ vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, dao thép - Cân kỹ thuật chính xác 0,01g - Ống đồng, tấm kính, đồng hồ bấm giây - Máy trộn, khuôn Le Chatelier, thùng luộc mẫu, thùng dưỡng hồ, thước kẹp.
4.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11 TCVN 3736:82	- Máy nén, sàng, máy trộn, khuôn 4x4x16cm, máy dằn, tủ dưỡng hồ.
	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
5.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:06	Cân kỹ thuật, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu,...
6.	Xác định thành phần hạt cỡ hạt	TCVN 7572-2:06 ASTM C136 ASHTO T27	- Cân kỹ thuật chính xác 0,01g - Bộ sàng tiêu chuẩn: 0,14; 0,315; 0,63; 1,25; 2,5; 5mm - Máy lắc sàng, khay đựng mẫu, chổi lông,.... - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ
7.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06 TCVN 8735:12 ASTM C127 ASTM C128 AASHTO T84 AASHTO T85	- Cân kỹ thuật chính xác 0,01g - Bình thủy tinh có dung tích 1000ml - Côn thử độ sụt, que chọc kim loại, phễu đổ vật liệu vào côn - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
			<p>được nhiệt độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay đựng mẫu, chổi lông, bình hút ẩm - Sàng kích thước mắt sàng 5mm và 0,14mm,...
8.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06 ASTM C127 AASHTO T85	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật 10kg chính xác 0,1g, cân thủy tĩnh; thùng ngâm mẫu; khăn thấm; thước kẹp; bàn chải sắt; tủ sấy;...
9.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06 ASTM C29 AASHTO T19	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật 30kg có độ chính xác 0,5g - Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1, 2, 5, 10, 20 lít - Phễu chứa vật liệu, dao gạt kim loại hoặc bằng gỗ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572:2006 - Tủ sấy 300⁰C, điều chỉnh được nhiệt độ
10.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06 ASTM C566 AASHTO T255	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật 10kg, có độ chính xác 0,1g - Tủ sấy 300⁰C, điều chỉnh được nhiệt độ - Khay đựng mẫu
11.	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06 ASTM C142 ASTM C117 AASHTO T11 AASHTO T112	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật 10kg, có độ chính xác 0,1g - Tủ sấy 300⁰C, điều chỉnh được nhiệt độ - Khay đựng mẫu - Thùng rửa cốt liệu - Đồng hồ bấm giây - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch - Que khuấy bằng gỗ hoặc bằng kim loại
12.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06 ASTM C40 AASHTO T21	<ul style="list-style-type: none"> - Ống đong thủy tinh 250 và 100ml - Cân kỹ thuật 10kg, có độ chính xác 0,1g - Sàng kích thước mắt sàng 5mm, khay đựng mẫu, chổi lông, phễu

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
			- Thanh màu chuẩn, thuốc thử: NaOH dung dịch 3%, ...
13.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	- Máy nén thủy lực - Máy khoan hoặc máy cắt mẫu - Máy mài nước - Thùng ngâm mẫu
14.	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	- Máy nén thủy lực, có lực nén đạt 500kN - Xi lanh có đường kính 75mm; 150mm, có đáy tách rời - Cân kỹ thuật 15kg, có độ chính xác 0,5g - Tủ sấy 300 ⁰ C, duy trì được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572:2006 - khay đựng mẫu, khăn mềm, chổi lông...
15.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los angeles)	TCVN 7572-12:06 ASTM C131 ASTM C535 AASHTO T96	- Cân kỹ thuật 15kg, có độ chính xác 0,5g - Tủ sấy 300 ⁰ C, duy trì được nhiệt độ - Máy mài Los Angeles, bi thép - Bộ sàng kích thước mắt: 37,5; 25; 19; 12,5; 9,5; 6,3; 4,75; 2,36 và 1,7mm - khay đựng mẫu, chổi lông, muối xúc...
16.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	- Cân kỹ thuật 15kg, có độ chính xác 0,5g - Tủ sấy 300 ⁰ C, duy trì được nhiệt độ - Thước kẹp cải tiến - Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572:2006 - khay đựng mẫu, chổi lông, muối xúc...
17.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hoá	TCVN 7572-17:06 ASTM C142 AASHTO T112	- Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572:2006

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
			- Búa con, kim sắt và kim nhôm
18.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06	- Cân phân tích chính xác đến 0,001g - Tủ sấy 105-110oC - Sàng tiêu chuẩn kích thước lỗ 0,14; 0,315; 0,63; 1,25; 2,5; 5mm - Giấy nhám, đĩa thủy tinh
19.	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	TCVN 14134-5:24 ASTM D2419 AASHTO T176	- Cân điện tử 600g, chính xác 0,01g - Ống đong bằng nhựa có chia vạch, có nắp đậy bằng cao su - Dung dịch cô đặc 250ml - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bình chứa nước dung tích 5 lít, ống rửa siphon bằng kim loại, dây cao su, muối xúc, hộp đựng mẫu, phễu nhựa, chổi lông, pipet, sàng 4,75mm, que khuấy bằng kim loại, thước đo bằng thép,.....
20.	Xác định hàm lượng hạt mịn hơn 0,075mm	TCVN 14135-4:24 TCVN 9205:12 AASHTO T11	- Cân điện tử 600g, chính xác 0,01g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ,....
21.	Xác định hàm lượng vỏ sò trong cát	TCVN 13754:23	Cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng kích thước lỗ 5mm, ống đong, đĩa thủy tinh,
	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG		
22.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:12	Dụng cụ lấy mẫu, cuốc, dụng cụ bảo quản mẫu, thùng gỗ,....
23.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12 ASTM D854 AASHTO T100	- Cân kỹ thuật 6000g chính xác 0,01g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Cốc thủy tinh hoặc hộp nhôm, cối chày sứ đầu hoặc cối chày đồng, khay đựng mẫu, chổi

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
			lông, phễu nhỏ, bể ổn nhiệt, bếp cách cát, nước, dầu hỏa, tỷ trọng kế, bơm hút chân không... - Sàng có kích thước lỗ 2mm - Bình tỷ trọng dung tích 100cm ³
24.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12 ASTM D2216 AASHTO T265	- Cân kỹ thuật 6000g chính xác 0,01g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bình hút ẩm, cốc thủy tinh hoặc hộp nhôm, cối chày sứ đầu bọc cao su, khay đựng mẫu, chổi lông... - Sàng có kích thước lỗ 1mm
25.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:12 TCVN 14134-4:24 ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90	- Cân kỹ thuật 600g độ chính xác 0,01g - Sàng vuông 0,425mm, tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, hộp nhôm đựng mẫu có nắp đậy - Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande, đĩa sứ trộn đất đường kính 115mm, dao trộn đất dài 75mm, dụng cụ khía rãnh và đo chuyên dụng - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bình hút ẩm, khăn lau có thấm ướt, nước cất
26.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14 TCVN 14135-5:24 TCVN 14134-3:24 AASHTO T88	- Cân điện tử 600g, chính xác 0,01g - Bộ sàng tiêu chuẩn. - Máy lắc sàng, khay đựng mẫu, chổi lông, cối chày sứ - Bình hút ẩm, nhiệt kế, nước cất, quả lê cao su - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ
27.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12 ASTM D698 AASHTO T99	- Cân kỹ thuật 30kg, độ chính xác 0,5g - Cân điện tử 600g, chính xác

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
			0,01g - Sàng vuông kích thước 19mm và 4,75mm - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Hộp nhôm đựng mẫu có nắp đậy - Dụng cụ trộn: chảo trộn mẫu, bay, khay kim loại, chổi lông, dầu bôi trơn, dao gạt mẫu... - Dụng cụ làm tơi mẫu: vỏ gỗ, búa cao su, thước thép sắc cạnh dài ≥ 254mm - Máy đầm - Chày đầm: Khối lượng 2,495 và 4,54kg; chiều cao rơi 305±2mm và 457±2mm - Cối đầm: Đường kính trong 101,6 và 152,40mm; chiều cao 116,43mm
28.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12	- Dao vòng, dao cắt - Thước kẹp, tấm kính, hộp nhôm hoặc hộp thủy tinh có nắp đậy, bình hút ẩm, khay đựng mẫu, chổi lông... - Cân điện tử 600g, chính xác 0,01g - Cân điện tử 15kg, chính xác 0,5g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ
29.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:20 ASTM D1883 AASHTO T193	- Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g và 0,01g Sàng vuông 19mm - Tủ dưỡng hộ, tủ sấy có thể duy trì độ ẩm 110 ⁰ C - Hộp nhôm đựng mẫu có nắp đậy - Dụng cụ trộn: Thìa, xẻng, muôi thép, khay kim loại, chổi lông, dầu bôi trơn, dao gạt mẫu... - Thước thép sắc cạnh dài ≥

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
			254mm - Cối CBR: D = 152mm, chiều cao 177,8mm. Chày đầm bằng kim loại, khối lượng 4,54kg, chiều cao rơi 457mm - Máy đầm - Dụng cụ tháo mẫu - Thiết bị đo độ trương nở đồng hồ chuyển vị - Quả cân gia tải. - Thiết bị gia tải: Máy nén CBR và cân xuyên - Bể ngâm mẫu
30.	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:20 TCVN 8721:12 ASTM D698 AASHTO T180 AASHTO T99	- Cân kỹ thuật 30kg, độ chính xác 0,5g - Cân điện tử 600g, chính xác 0,01g - Sàng vuông kích thước 19mm và 4,75mm - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Hộp nhôm đựng mẫu có nắp đậy - Dụng cụ trộn: chảo trộn mẫu, bay, khay kim loại, chổi lông, dầu bôi trơn, dao gạt mẫu... - Dụng cụ làm toại mẫu: vò gỗ, búa cao su, thước thép sắc cạnh dài ≥ 254mm - Máy đầm - Chày đầm: Khối lượng 2,495 và 4,54kg; chiều cao rơi 305±2mm và 457±2mm - Cối đầm: Đường kính trong 101,6 và 152,40mm; chiều cao 116,43mm
31.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:12 ASTM D2434 AASHTO T215	- Hộp thử thấm - Bảng gắn 03 ống đo áp trong suốt và có vạch chia mm - Bình cấp nước 10 lít, bộ ống dẫn nước có van khóa - Thùng thử thấm cột áp không

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
			đôi - Dao vòng D= 62, 75, 100 mm (H=40, 50, 60mm) - Các dụng cụ khác: sàng, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật (độ chính xác: 0,01; 0,1 và 1g)...
32.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9438:12 ASTM D2166 AASHTO T208	Máy nén, cân kỹ thuật, thước kẹp điện tử, tủ dưỡng ẩm,....
33.	Xác định góc nghiêng tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12	- Bộ thiết bị đo góc nghiêng (bàn đế, mâm tròn, cọc thép) - Thùng chứa nước - Sàng lỗ 2 và 5mm, khay đựng, chày, cối sứ Nước cất
34.	Xác định hàm lượng hữu cơ mất khi nung	ASTM D2974 AASHTO T267	- Cân kỹ thuật, bộ cối chày sứ (đồng), tủ sấy, lò nung 2000°C
	THÍ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
35.	Thử kéo	TCVN 197-1:14 TCVN 7937:13 TCVN 9391:12 TCVN 1916:95 TCVN 5757:93	- Máy cắt thép - Thước lá 3m - Bút tẩy phủ, dũa vạch mẫu - Máy kéo, uốn thủy lực - Cân kỹ thuật 15kg chính xác 0,5g
36.	Thử uốn	TCVN 198:08 TCVN 6287:97 TCVN 5891:08	- Máy cắt thép - Thước lá 3m - Bút tẩy phủ, dũa vạch mẫu - Máy kéo, uốn thủy lực - Cân kỹ thuật 15kg chính xác 0,5g
37.	Thử kéo mối hàn trên vật liệu kim loại	TCVN 8310:10 TCVN 8311:10	- Máy cắt thép - Thước lá 3m - Bút, dũa vạch mẫu - Máy kéo, uốn thủy lực
38.	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5401:10 TCVN 5403:10	- Máy cắt thép - Thước lá 3m - Bút tẩy phủ, dũa vạch mẫu - Máy kéo, uốn thủy lực
	THÍ NGHIỆM BÊ		

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
	TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG		
39.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông và lấy mẫu bê tông	TCVN 3105:22 TCVN 3106:22	- Khuôn đúc mẫu, que chọc, bay gạt mẫu, thước lá kim loại, - Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, muôi xúc mẫu, bay gạt mẫu, thước lá kim loại,.....
40.	Xác định khối lượng riêng của hỗn hợp bê tông	TCVN 3112:22	- Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác - Cân phân tích 10 kg chính xác 0,01g; cân kỹ thuật 30kg chính xác 0,5g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, bình hút ẩm - Búa con, cối chày đồng, thùng ngâm mẫu, khăn lau, khay đựng, thước kẹp, bếp ga - Sàng 2 hoặc 2,5mm, nước lọc, dầu hoả, còn 90 ⁰
41.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	- Cân kỹ thuật chính xác 5g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Thùng ngâm mẫu, khăn lau
42.	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:22	- Cân kỹ thuật và cân thủy tĩnh chính xác đến 50g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bếp điện và thùng nấu paraffin - Thước lá
43.	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:22	- Máy thử độ chống thấm. - Giá ép mẫu, bàn chải sắt, paraffin hoặc mỡ bôi trơn, khuôn đúc mẫu thử, tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ
44.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	- Máy nén, thước lá, dụng cụ capping mẫu trụ, ...
45.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22	- Máy nén, bộ gá thử uốn, thước lá, ...
46.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:22	- Máy nén, góai truyền tải và đệm gỗ.

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
47.	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 10306:14	- Máy trộn vữa, cân kỹ thuật, khuôn đúc mẫu,....
	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
48.	Hỗn hợp nhựa - lấy mẫu	TCVN 13900:23	Hộp giấy các tông, thùng kim loại, xô kim loại, chậu kim loại, xẻng, khuôn, tấm,....
49.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11 ASTM D6927 AASHTO T245	Máy nén Marshall gia tải 50.5mm/min gồm: khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng. Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bể ổn nhiệt duy trì 60oC, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.
50.	Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11 ASTM D2172 AASHTO T164	Máy quay ly tâm, Giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ...
51.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11 ASTM C136 AASHTO T27	- Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, bát sứ, chày bịt đầu cao su, tủ sấy, ...
52.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11 ASTM D2041 AASHTO T209	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, Áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay sấy mẫu, giẻ lau.
53.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11 ASTM D2726 AASHTO T166	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế...
54.	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:11 Phụ lục B – TCVN 1048:23	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), bay chảo trộn mẫu.
55.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	Ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép, cân kỹ thuật độ chính xác 0,1g...
56.	Xác định hệ số lu lèn	TCVN 8860-8:11	- Cân thủy tĩnh, thùng đựng mẫu, máy cắt mẫu, thước kẹp, ...
57.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	- Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật,

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
		ASTM D3203 AASHTO T269	máy hút chân không, nhiệt kế, chậu để rửa, Ống nhỏ giọt; nước cất dung tích có phụ gia thấm ướt, ...
58.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11 ASTM D3203 AASHTO T209 AASHTO T269	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế, giẻ lau...
59.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11 AASHTO T209	- Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, nhiệt kế, chậu để rửa, ống nhỏ giọt; nước cất dung tích có phụ gia thấm ướt,...
60.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11 AASHTO T245	- Máy nén chuyên dùng Marshall, khuôn gá mẫu kèm đồng hồ đo độ dẻo, bể ngâm mẫu, nhiệt kế,...
61.	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:17	- Thùng đong, cân kỹ thuật, giá đỡ, tấm kính,....
62.	Độ đồng đều của lượng nhựa tưới	TCVN 8809:11 TCVN 8863:25	- Cân kỹ thuật, khay hứng nhựa 25*40cm,...
63.	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:11	
	THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM; NHỰA POLIME; NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰA ĐƯỜNG A XÍT		
64.	Bi tum – Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7494:05	Dụng cụ lấy mẫu, can nhựa,...
65.	Xác định độ kim lún, Xác định chỉ số kim lún PI Thông tư 27/2014/TT-BGTVT ngày 28/7/2014	TCVN 7495:05	- Dụng cụ thử độ kim lún, nhiệt kế, chậu nước, đồng hồ bấm giây, bếp dầu.
66.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05	- Dụng cụ xác định độ kéo dài, khuôn đồng, nhiệt kế, chậu nước, bếp dầu.
67.	Xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:05	- Khuôn tròn, bi tròn, nhiệt kế, bình thủy tinh, đèn cồn.
68.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy	TCVN 7498:05 TCVN 8818-2:11	- Giá có vòng đỡ, chén sắt, nhiệt kế 400°C, đèn cồn, đồng

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
			hồ bấm giây.
69.	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:05 TCVN 11710:17 TCVN11711:17	- Tủ sấy tổn thất nhựa, cân kỹ thuật, khuôn đồng, bếp gas ...
70.	Xác định độ hoà tan trong tricloetylen	TCVN 7500:23	- Tủ sấy tổn thất nhựa, cân kỹ thuật, thuốc thử,...
71.	Xác định tỷ trọng khối và khối lượng riêng	TCVN 7501:05	- Bình khối lượng thể tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế 100 độ, chậu, nước cất, nước đá.
72.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05	- Quan treo, bếp gas, chậu nước, cân kỹ thuật
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
73.	Xác định độ ẩm, độ chặt nền, mặt đường bằng phương pháp dao dai	22 TCN 02:71 TCVN 8728:12 TCVN 8729:12 TCVN 8730:12 TCVN 12791:20 ASTM D2937 AASHTO T204	- Bộ dao dai, tủ sấy, cân kỹ thuật, dao gạt đất, búa,...
74.	Xác định độ ẩm, độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22 TCN 346:06 TCVN 8728:12 TCVN 8729:12 TCVN 8730:12 ASTM D1556 AASHTO T191	- Phễu rót cát, cát chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp lấy ẩm... - Cân kỹ thuật, hộp nhôm, bình hút ẩm, khay đựng đất, dao cắt đất,
75.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m	TCVN 8864:11	- Thước 3,0m, con nôm.
76.	Xác định Sức kháng trượt của bề mặt bằng con lắc Anh	TCVN 10271:14 AASHTO T278	- Thiết bị thí nghiệm con lắc Anh, thước đo cũ tiếp xúc, chổi lông, nhiệt kế điện tử, chai đựng nước,
77.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đường và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:11 ASTM D1195	- Hệ thống chất tải, kích thủy lực, bộ tấm ép cứng, đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ đồng hồ đo biến dạng, cát sạch, thước nivô,...
78.	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:25	- Cần belkeman, kích 10 tấn, xe tải, đồng hồ đo chuyển vị,...

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
79.	Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:12	- Tấm nén, bộ phận neo, hệ thống đo tải trọng và độ lún, kích (chất tải), vòng kế, hệ thống mốc chuẩn gắn các vòng kế,...
80.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11	- Ống đồng, bàn xoa, cát chuẩn, chổi quét, cân kỹ thuật,...
81.	Xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12	- Máy siêu âm cấu kiện bê tông,...
82.	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCVN 10303:25 TCVN 12252:20	- Máy khoan, máy nén bê tông, máy cắt mẫu,...
83.	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12	- Thiết bị nén tĩnh dọc trục (kích thủy lực, dầm chất tải, bộ lưu giữ, xử lý số liệu)
THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
84.	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:22	- Thiết bị lấy mẫu, thước kẹp, khâu hình côn, khuôn...
85.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn	TCVN 3121-11:22	- Máy nén, bộ gá thử uốn
THÍ NGHIỆM GẠCH XÂY			
86.	Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	- Thước kẹp, thước lá.
87.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:09	- Máy nén, máy cắt, máy trộn vữa, bộ gá nén.
88.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:09	- Máy nén, máy cắt, máy trộn vữa, bộ gá uốn.
89.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	- Chậu nước, tủ sấy, cân kỹ thuật.
90.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09	- Tủ sấy, cân kỹ thuật, thước lá.
91.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	- Cân kỹ thuật, thước lá, cát tiêu chuẩn.
THÍ NGHIỆM BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
92.	Xác định thành phần hạt;	TCVN 12884:20	- Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
	xác định độ ẩm; xác định hệ số thích nước; xác định chỉ số dẻo; xác định khối lượng riêng.	TCVN 4197:12 TCVN 8735:12 AASHTO T37	sấy,...
	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG		
93.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ rỗng; độ hút nước	TCVN 6477:16	- Thước kẹp, thước lá. - Máy nén, máy cắt, máy trộn vữa, bộ gá nén. - Cân kỹ thuật, thước lá, cát tiêu chuẩn. - Chậu nước, tủ sấy, cân kỹ thuật.
	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
94.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:99 TCVN 6065:95	- Thước kẹp, thước lá. - Máy nén 5 tấn, máy trộn vữa, bộ gá nén. - Chậu nước, tủ sấy, cân kỹ thuật. - Máy xác định mài mòn,...
	THÍ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO		
95.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; cường độ uốn; độ mài mòn; độ hút nước	TCVN 7744:13 TCVN 6065:95	- Thước kẹp, thước lá, thước nivo. - Máy nén, bộ gá uốn, thước, xi măng. - Chậu ngâm, cân kỹ thuật, tủ sấy. - Máy mài mòn, thước lá, thước nivo, cân kỹ thuật, ...
	THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH		
96.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp	TCVN 10379:14	- Bộ cối đầm, cân kỹ thuật, tủ sấy,....
97.	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:11	- Máy nén, thước kẹp, bộ gá ép chẻ,...
98.	Đất, cát gia cố xi măng xác định cường độ	TCVN 9403:12	Máy nén, thước kẹp, gá mẫu,....

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
	kháng nén, kháng uốn		
	THÍ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT, MÀNG ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THÂM, VỎ BÁC THÂM		
99.	Xác định độ dày danh định, độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8820:09 ASTM D5199	- Khuôn lấy mẫu, thiết bị đo độ dày, đĩa ép,...
100.	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8821:09 TCVN 8042:09 ASTM D5261	- Khuôn lấy mẫu, cân kỹ thuật, thước lá, bút ghi,...
101.	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:10 ASTM D4595	- Máy kéo nén vải địa, thiết bị đo dịch chuyển khoảng cách, thước kẹp, thước lá,...
102.	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:11 ASTM D6241	- Máy kéo nén vải địa, thiết bị xuyên, thiết bị đo dịch chuyển khoảng cách, thước kẹp, thước lá,...
103.	Xác định sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:11 ASTM D4833	- Máy kéo nén vải địa, thiết bị lắp mẫu, thước kẹp, thước lá,...
104.	Xác định cường độ chịu kéo của mỗi nối	TCVN 9138:12 ASTM D2256	- Máy kéo nén vải địa, thiết bị lắp mẫu, thước kẹp, thước lá,...

2.2. Danh mục máy móc, thiết bị

Stt	Tên máy móc, thiết bị		Thông tin thiết bị kiểm định/ hiệu chuẩn				
	Tên/loại	Model	Kiểm định/ hoặc hiệu chuẩn	Số tem	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng	Ghi chú
1	Máy kéo vải địa	WDW-50	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-61897	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
2	Máy nén Marshall	1155B0800 ELE	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60926	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
3	Máy nén CBR	1155B0900 ELE	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60925	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
4	Máy nén 50KN	ARG-50	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60933	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
5	Tủ dưỡng hộ xi măng	SHBY-40B				Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
6	Máy trộn vữa xi măng	JJ-5				Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
7	Máy thử thấm bê tông	HS-40	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60921	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
8	Máy đầm tạo mẫu CBR/Proctor	SKDJ-1				Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	

Stt	Tên máy móc, thiết bị		Thông tin thiết bị kiểm định/ hiệu chuẩn				
	Tên/loại	Model	Kiểm định/ hoặc hiệu chuẩn	Số tem	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng	Ghi chú
9	Bể điều nhiệt	DHC-57	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60923	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
10	Máy thử kéo, nén, uốn thép	WE-1000B	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60924	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
11	Máy thử nén bê tông	ADR2000 ELE	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60929	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
12	Máy kiểm tra độ mài mòn Los Angeles	DH14J				Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
13	Lò nung 1200 ⁰ C	SX2-5-12				Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
14	Tủ sấy 300 ⁰ C	HN 101-2	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60922	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
15	Máy đầm tạo mẫu bê tông nhựa	MDJ-IIA				Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
16	Máy khoan lấy lõi	R2331				Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
17	Máy khoan lấy lõi	HZ - 15C				Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP.	

Stt	Tên máy móc, thiết bị		Thông tin thiết bị kiểm định/ hiệu chuẩn				
	Tên/loại	Model	Kiểm định/ hoặc hiệu chuẩn	Số tem	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng	Ghi chú
						HCM	
18	Cân điện tử	DJ-4000TW	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60911	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
19	Cân điện tử	DJ-6200	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60912	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
20	Cân điện tử	BC-15	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60910	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
21	Cân điện tử	BC-30	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60928	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
22	Cân điện tử	R21PE30	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60909	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
23	Cân Benkelman	003	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60916	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
24	Cân Benkelman	004	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60914	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
25	Bộ kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất	456-1	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60930	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	

Stt	Tên máy móc, thiết bị		Thông tin thiết bị kiểm định/ hiệu chuẩn				
	Tên/loại	Model	Kiểm định/ hoặc hiệu chuẩn	Số tem	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng	Ghi chú
26	Bộ kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất	456-2	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60931	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
27	Bộ kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất	456-3	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60932	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
28	Đồng hồ so 1Inch	F1-1	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60927	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
29	Đồng hồ so 10mm	4097224	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60918	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
30	Đồng hồ so 10mm	4117944	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60917	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
31	Đồng hồ so 10mm	4124506	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60913	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
32	Đồng hồ so 50mm	3058F EPS547	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60920	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	
33	Đồng hồ so 50mm	3058F EPS549	Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn Miền Nam (SMETEST)	S25-60919	23/06/2025	Số 96 đường Lê Hữu Trác, P. Tam Long, TP. HCM	

2.3. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
1	Thẩm Thanh Thế	Phó Trưởng phòng Chuyên đôi số và Quan hệ cộng đồng, kiêm nhiệm chức danh Trưởng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng cầu đường. - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường số 3314/2008/VKH-TNXD, ngày 24/4/2008 do Viện khoa học Công nghệ Xây dựng cấp. - Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông số 015/ĐHGTVT-CCTNV, ngày 17/5/2010 do Trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh cấp. - Chứng nhận đào tạo về kỹ thuật khoan khảo sát địa chất công trình số 07/2011/TTCN-KTK, ngày 04/7/2011 do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Thiết bị công nghệ trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh cấp. - Chứng nhận bồi dưỡng nghịệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng số 23.K2/KĐCLCTGT, ngày 22/12/2014 do Trung tâm đào tạo thông tin Viện Khoa học và Công nghệ GTVT cấp. - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên về không phá hủy số 11763/2014/VKH- TNXD, ngày 30/12/2014 	Phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của Phòng Thí nghiệm, tham gia công tác thí nghiệm, kiểm định.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
			<p>do Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm phá hủy số 24.K5.15/TNPH, ngày 18/9/2015 do Trung tâm đào tạo thông tin Viện Khoa học và Công nghệ GTVT cấp. - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc số 16231/2023/VKH-TNXD, ngày 06/9/2023 do Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp. - Chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 số 2579-2017, ngày 27/12/2017 do Học viện cán bộ quản lý xây dựng thuộc Bộ Xây dựng cấp. - Chứng nhận cập nhật và hướng dẫn chuyển đổi hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2005 sang ISO/IEC 17025:2017, số 0438/ĐT028.20, ngày 09/6/2020 do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (QUATEST3) cấp. - Chứng nhận Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 số 0079/2021/ĐT/VACI, ngày 03/6/2021 do Viện Công nhận Chất lượng 	

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
			<p>Việt Nam cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 số 0081/2021/ĐT/VACI, ngày 04/6/2021 do Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam cấp. - Chứng nhận quản lý phòng thí nghiệm số 2023/QL1-065/VKCN, ngày 28/9/2023 do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu tư Xây dựng cấp. - Chứng nhận đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017, số 0499/ĐT026.25, ngày 26/5/2025 do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (QUATEST3) cấp. 	
2	Trương Văn Thanh Phong	Chuyên viên phòng Chuyên đổi số và Quan hệ cộng đồng, kiêm nhiệm chức danh Phó Trưởng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng cầu đường. - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và vật liệu xây dựng số 4597/2008/VKH-TNXD, ngày 08/12/2008 do Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp. - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên công trình xây dựng số QĐ 02/2013/TNV, ngày 02/5/2013 do Viện Nghiên cứu Đào tạo và 	Phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của Phòng Thí nghiệm, tham gia công tác thí nghiệm, kiểm định.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
			<p>Bồi dưỡng cán bộ Hà Nội cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc số 16233/2023/VKH-TNXD, ngày 06/9/2023 do Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp. - Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng số 24.K2/KĐCLCTGT, ngày 22/12/2014 do Trung tâm đào tạo thông tin Viện Khoa học và Công nghệ GTVT cấp. - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm phá hủy số 25.K5.15/TNPH, ngày 18/9/2015 do Trung tâm đào tạo thông tin Viện Khoa học và Công nghệ GTVT cấp. - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm không phá hủy số 117642014/VKH-TNXD, ngày 30/12/2014 do Viện Khoa học và Công nghệ xây dựng cấp. - Chứng nhận cập nhật và hướng dẫn chuyển đổi hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2005 sang ISO/IEC 17025:2017, số 0426/ĐT028.20, ngày 09/6/2020 do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (QUATEST3) cấp. 	

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
			<p>- Chứng nhận Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 số 0080/2021/ĐT/VACI, ngày 03/6/2021 do Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam cấp.</p> <p>- Chứng nhận đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 số 0083/2021/ĐT/VACI, ngày 04/6/2021 do Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam cấp.</p> <p>(10) - Chứng nhận đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017, số 0491/ĐT026.25, ngày 26/5/2025 do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (QUATEST3) cấp.</p>	
3	Nguyễn Văn Cương	Trưởng phòng Hạ tầng giao thông số 5	<p>- Kỹ sư xây dựng cầu đường.</p> <p>- Chứng chỉ thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng nền – mặt đường số 568/AET, ngày 28/10/2019 do Trung tâm ứng dụng Khoa học Công nghệ Giao thông Vận tải trường Cao đẳng GTVT VI cấp.</p> <p>- Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông số 14/UTH-CCTNV, ngày 26/9/2024 do Viện</p>	Tham gia công tác thí nghiệm kiểm định

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
			nghiên cứu – Đào tạo Đào Cử trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh cấp.	
4	Phan Châu Thiên	Phó Trưởng phòng Hạ tầng giao thông số 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng cầu đường. - Chứng chỉ thí nghiệm viên về phương pháp xác định tính chất cơ – lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường số 1811-A0061B/VND- CCTNV, ngày 23/11/2018 do Viện nghiên cứu và Ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp. - Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông số 14/UTH-CCTNV, ngày 26/9/2024 do Viện nghiên cứu – Đào tạo Đào Cử trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh cấp. 	Tham gia công tác thí nghiệm kiểm định
5	Bùi Minh Tuấn	Phó Trưởng phòng Cây xanh - Chiếu sáng số 3	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ kỹ thuật, Kỹ sư xây dựng cầu đường. - Chứng chỉ nghề thí nghiệm công trình giao thông do trường cao đẳng giao thông III cấp; - Chứng nhận bồi dưỡng nhiệm vụ “Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng”; 	Tham gia công tác thí nghiệm kiểm định
6	Mai Xuân Đức	Chuyên viên phòng Hạ tầng	- Kỹ sư xây dựng cầu đường.	Tham gia công tác thí nghiệm

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
		giao thông số 5	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ thí nghiệm viên về phương pháp xác định tính chất cơ – lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường số 1811-A0076B/VNĐ-CCTNV, ngày 23/11/2018 do Viện nghiên cứu và Ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp. - Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng số 21.K2/KĐCLCTGT, ngày 22/12/2014 do Trung tâm đào tạo thông tin Viện Khoa học và Công nghệ GTVT cấp. - Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông số 02/UTH-CCTNV, ngày 26/9/2024 do Viện nghiên cứu – Đào tạo Đèo Cả trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh cấp. 	kiểm định
7	Hồ Anh Tú	Chuyên viên phòng Hạ tầng giao thông số 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng cầu đường. - Chứng chỉ thí nghiệm viên về phương pháp xác định tính chất cơ – lý của đất số 2134-A0068B/VNĐ-CCTNV, ngày 11/11/2019 do Viện nghiên cứu và Ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp. - Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây 	Tham gia công tác thí nghiệm kiểm định

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
			dựng giao thông số 02/UTH-CCTNV, ngày 26/9/2024 do Viện nghiên cứu – Đào tạo Đèo Cả trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh cấp.	
8	Lê Đình Tuấn	Chuyên viên Phòng chuyển đổi số và Quan hệ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng. - Chứng chỉ thí nghiệm viên về phương pháp xác định tính chất cơ – lý của bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường số 01/06//2018/TNVL, ngày 30/6/2018 do Viện nghiên cứu và Ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp. - Chứng chỉ sơ cấp nghề thí nghiệm viên ngành xây dựng số 566/AET, ngày 28/10/2019 do Trung tâm ứng dụng Khoa học Công nghệ Giao thông Vận tải trường Cao đẳng GTVT VI cấp. - Chứng nhận đã tham gia khóa đào tạo nhận thức chung về hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 số 0078/2021/ĐT/VACI, ngày 02/6/2021 do Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam cấp. 	Tham gia công tác thí nghiệm kiểm định
9	Cao Phạm Hải Vinh	Chuyên viên Phòng chuyển đổi số và Quan hệ	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng. 	Tham gia công tác thí nghiệm kiểm định



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
		cộng đồng	- Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông số 126/UTH-CCTNV, ngày 25/8/2025 do Viện nghiên cứu – Đào tạo Đèo Cả trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh cấp.	
10	Cao Minh Trí	Chuyên viên Phòng chuyển đổi số và Quan hệ cộng đồng	- Cử nhân luật. - Chứng chỉ thí nghiệm viên về phương pháp xác định tính chất cơ – lý của bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường số 01/06//2018/TNVL, ngày 08/6/2018 do Viện nghiên cứu và Ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp. - Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông số 376/DCI-CCTNV, ngày 25/8/2025 do Viện nghiên cứu – Đào tạo Đèo Cả trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh cấp.	Tham gia công tác thí nghiệm kiểm định

Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. *tc*



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Vinh